



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Chuyên đề tâm lý học nghề nghiệp

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC II
DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP**



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

PHẠM MẠNH HÙNG

GIÁO TRÌNH
CHUYÊN ĐỀ TÂM LÝ HỌC
NGHỀ NGHIỆP

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC II

(Dùng cho BDCB & GV các trường THCS)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỔNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐT: (04) 8252916, 8257063 - FAX: (04) 8257063

GIÁO TRÌNH
TÂM LÝ HỌC NGHỀ NGHIỆP
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

TRƯƠNG ĐỨC HÙNG

Bìa:

VĂN SÁNG

Trình bày - Kỹ thuật vi tính:

HÀ SƠN - BÍCH NGỌC

Sửa bản in:

ĐỒNG VÂN

In 530c khổ 17x24cm. Tại cơ sở 2-Công ty cổ phần in 15.

GP XB số: 146-2006/CXB/94c GT-19/HN cấp ngày 24-02-2006.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.

Lời giới thiệu

Nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quán triệt chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THPT Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THPT ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đồng đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm “50 năm giải phóng Thủ đô”, “50 năm thành lập ngành” và hướng tới kỷ niệm “1000 năm Thăng Long - Hà Nội”.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bài mở đầu

1. Mục tiêu môn học

* Về kiến thức:

Sau khi học xong môn học, học viên có khả năng nắm vững cơ sở lý luận nhằm nghiên cứu các yêu cầu tâm lý cơ bản, phân tích điều kiện chủ quan và khách quan đối với việc xác định đặc điểm tâm sinh lý cá nhân phù hợp nghề cho học sinh và thanh niên.

* Về kỹ năng:

Vận dụng những điều đã học về cơ sở lý luận giúp cho công tác hướng nghiệp nghề nghiệp cho thanh niên, đặc biệt là công tác giáo dục nghề nghiệp trong điều kiện hiện nay, giúp các em xác định ngành, nghề học phù hợp với khả năng của bản thân và nhu cầu của xã hội.

* Về thái độ:

Trách nhiệm của người giáo viên trong từng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với thế hệ trẻ, giúp cho thanh niên chọn nghề phù hợp.

2. Khái quát nội dung

Môn học tâm lý học nghề nghiệp nhằm trang bị cơ sở lý luận về lĩnh vực tuyển chọn nghề nghiệp mang tính khoa học, nhằm giúp giáo viên tuyển lựa những người có năng lực tương ứng vào học nghề cho phù hợp.

Nội dung môn học đưa ra một số hoạt động nghề nghiệp để giúp học sinh tham khảo, từ đó có cơ sở chọn nghề cho bản thân có tính phù hợp; đồng thời cũng chỉ ra những mặt hạn chế mà học sinh mắc phải khi chọn nghề.

Môn học cũng đề cập tới vấn đề giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên. Đây là trách nhiệm của các thầy, các cô trong các trường trung học chuyên nghiệp.

3. Phân phối thời gian

TT	Nội dung chương trình	Thời gian
1	Những vấn đề chung	5 tiết
2	Công tác hướng nghiệp chọn nghề cho thanh niên	5 tiết
3	Một số yêu cầu tâm lý phù hợp nghề và phương pháp trắc đặc nghề	6 tiết
4	Thảo luận và tìm hiểu thực tế tại trường Cao đẳng sư phạm mẫu giáo TW	6 tiết

4. Khái quát về phương pháp giảng dạy và học tập

Đây là môn học mang tính chuyên đề, trong khi thực hiện bài giảng giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình và thảo luận trên lớp hoặc thảo luận theo nhóm nhỏ theo từng khối trường của chuyên ngành phù hợp từng trường. Ngoài ra, giáo viên sẽ liên hệ với một số trường cho học viên tới học hỏi kinh nghiệm như trường Cao đẳng sư phạm mẫu giáo TW hoặc trường Trung học sư phạm nhà trẻ mẫu giáo. Đây là những trường đã làm tốt công tác hướng nghiệp và tuyển chọn học sinh đầu vào phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý cá nhân để các học viên tìm hiểu, giúp cho công tác giáo dục nghề nghiệp của mình được tốt hơn.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, Ý NGHĨA MÔN HỌC

1. Khái niệm

Chúng ta đang sống trong thời đại mà cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển với một tốc độ chưa từng thấy. Số lượng các tri thức khoa học tăng lên một cách nhảy vọt (cứ 8 năm thì tổng số tri thức của loài người lại tăng lên gấp đôi) và khoa học kỹ thuật ngày càng trở nên tinh vi, hiện đại. Kết quả, loài người đã bước sang một kỷ nguyên mới trong sự phát triển các lực lượng sản xuất xã hội; đó là đặc trưng nổi bật của thế giới hiện đại. Chẳng hạn việc làm chủ năng lượng nguyên tử, việc chinh phục vũ trụ, sự phát triển vũ bão của hoá học, việc tự động hoá sản xuất, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tin học là bằng chứng về mức trường thành cao của các lực lượng sản xuất trong thời đại chúng ta.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, việc áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật là một trong những nhân tố cơ bản của sự phát triển, nâng cao đời sống và phồn vinh của đất nước. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VIII đã vạch rõ: “Khoa học và công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định”.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật được biến thành hiện thực một cách tự động. Việc sử dụng thành tựu đó đòi hỏi phải thực hiện một cách phức hợp, hoàn chỉnh các biện pháp tổ chức - kỹ thuật, và những biện pháp kinh tế - xã hội. Các biện pháp này nằm trong một hệ thống nhất gọi là tổ chức lao động một cách khoa học được tiến hành trên phạm vi cả nước. Trong xã hội chúng ta hiện nay, mục

mục đích kinh tế cơ bản là: Đạt hiệu suất lao động cao nhất, hiệu quả sản xuất xã hội lớn nhất và sự tiêu tốn ít nhất các phương tiện vật chất, sức lực của con người.

Nhưng tổ chức lao động một cách khoa học là một hệ thống đang phát triển và đang hoàn thiện không ngừng cho nên trong những giai đoạn phát triển khoa học, kỹ thuật và kinh tế khác nhau thì mục đích của nó sẽ được thực hiện bằng những phương tiện khác nhau.

Ngày nay, cơ sở của việc tổ chức lao động một cách khoa học đã trở nên rộng rãi hơn. Lao động hiện nay là một quá trình tác động qua lại của con người với máy móc, trong đó con người giữ vị trí trung tâm. Bởi vậy, một trong những phương hướng chủ yếu của việc biến thành tựu của sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật thành hiện thực là sự hoàn thiện mối quan hệ “người - máy” và nghiên cứu những đặc điểm tâm lý trong năng lực của những người khác nhau để chứng minh một cách khoa học và hoàn thiện công việc lựa chọn nghề nghiệp cho mỗi người, từ đó tư vấn nghề nghiệp cho họ.

Sự tiến bộ kỹ thuật không chỉ đề ra những yêu cầu mới đối với con người mà còn làm thay đổi cả nội dung của các quá trình đặc trưng cho hoạt động lao động. Trong các loại lao động mới thì gánh nặng cơ bản khi thực hiện các thao tác lao động không phải là sự nỗ lực của cơ bắp, mà là quá trình tâm lý như tri giác, ghi nhớ, tư duy, (sức bắp thịt trong tổng năng lượng của con người đã giảm từ 100% xuống còn 1% trong vòng 100 năm trở lại đây). Tốc độ cao của các quá trình kỹ thuật, tính quy định chặt chẽ của lao động đề ra những yêu cầu cao đối với tốc độ của các quá trình tâm lý, đối với độ nhanh của các phản ứng của con người, đối với sự tập trung chú ý, kỹ năng định hướng trong hoàn cảnh phức tạp, đối với sự kiểm tra và tự kiểm tra thường xuyên. Đồng thời tình thần trách nhiệm của người lao động tăng lên rõ rệt, cường độ lao động giảm, hiệu quả lao động tăng lên.

Mặt khác ngoài các yếu tố về tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nền kinh tế tri thức thì còn một yếu tố hết sức quan trọng, đó là yếu tố “Con người với nghề nghiệp”.

Khoa học chứng minh rằng: Một người có thể làm tốt việc này mà không làm tốt được công việc khác, do đặc tính bẩm sinh, di truyền, năng lực, tính cách...

Vì vậy, một yêu cầu đặt ra cho các thầy giáo, cô giáo trong nhà trường là giúp các em định hướng lựa chọn nghề cho phù hợp với khả năng, năng lực, sở thích của bản thân mình. Nếu làm được như vậy các em sẽ yêu nghề, gắn bó với nghề, hứng thú ngay khi còn đang học nghề và sau khi ra trường sẽ phát triển tay nghề nhanh, đưa tới hiệu quả đào tạo cao.

Trái lại, nếu các em chọn nghề không phù hợp có thể dẫn tới bỏ học, chất lượng học kém do không yêu nghề ngay từ đầu. Vì thế, các em thường không làm nghề mà các em đã học, dẫn tới lãng phí tiền của, thời gian của bản thân, gia đình, xã hội. Trong chương trình nghiệp vụ sư phạm bậc II có xây dựng chuyên đề “Tâm lý học nghề nghiệp” dành cho các giáo viên tham gia học. Đây là chuyên đề giúp giáo viên có cơ sở lý luận để định hướng chọn nghề cho học sinh trước khi học nghề.

Vậy, tâm lý học nghề nghiệp là một chuyên ngành của khoa học tâm lý, nó nghiên cứu những đặc điểm tâm lý của các loại hoạt động lao động khác nhau tùy thuộc vào những điều kiện xã hội lịch sử của một nền sản xuất cụ thể, vào công cụ lao động, vào phương pháp dạy lao động và các phẩm chất tâm lý của cá nhân người lao động nhằm nhân bản hóa và tăng năng suất lao động.

2. Đối tượng

Việc tính đến yếu tố con người trong giai đoạn hiện tại của sự phát triển kỹ thuật đã trở thành một điều kiện cần thiết để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế xã hội mà Đảng đã đề ra cho toàn dân trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đúng vậy, việc thực hiện tổ chức lại sản xuất, hợp lý hóa sản xuất, xây dựng tinh thần làm chủ, không thể không tính đến yếu tố con người. Vì vậy, trong việc thực hiện mục đích nâng cao không ngừng hiệu suất lao động không thể không cần đến những tri thức mà các khoa học về con người đã tích lũy được.

Như vậy, đối tượng nghiên cứu tâm lý học nghề nghiệp là bản thân hoạt động lao động của nghề nghiệp; đặc điểm nhân cách của người lao động, nhất là các đặc điểm về nghề nghiệp; yêu cầu của từng loại ngành nghề, môi trường xã hội - lịch sử và môi trường sản xuất cụ thể mà trong đó hoạt động lao động được thực hiện; các mối quan hệ giữa các cá nhân trong lao động; các phương tiện dụng cụ trong lao động; các sản phẩm lao động và các phương pháp dạy lao động sản xuất.

Tâm lý học nghề nghiệp có nhiệm vụ làm tăng sức làm việc của con người bằng cách vận dụng những nhân tố tâm lý rất khác nhau. Đó có thể là nội dung

của công việc, các mối quan hệ giữa cá nhân và một loạt các nhân tố khác. Tâm lý học nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả lao động của người lao động bằng cách sử dụng những tác động đặc biệt thuận lợi đến nhân cách và trạng thái tâm lý của họ. Những động tác này dẫn đến việc giảm sự mệt mỏi và nâng cao khả năng làm việc của họ.

Vì vậy, có thể nói rằng tâm lý học nghề nghiệp có vai trò rất to lớn trong việc nâng cao hiệu suất lao động, giảm cường độ lao động và hạ thấp giá thành sản phẩm...

3. Nhiệm vụ

Tâm lý học nghề nghiệp phải thực hiện một loạt các nhiệm vụ cụ thể khác nhau để nhằm đạt được những mục tiêu nêu trên. Nhiệm vụ của môn học rất rộng, có thể nêu cụ thể như sau:

- Nghiên cứu những đặc điểm tâm lý trong năng lực của những người khác nhau để chứng minh một cách khoa học và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cho con người đó.

- Động cơ hoạt động nghề như trạng thái tâm lý, xúc cảm yêu thích.

- Các hiện tượng tâm lý xã hội có liên quan đến hoạt động nghề (như môi trường, thị hiếu, cạnh tranh...)

- Nghiên cứu sự mệt mỏi về mặt tâm lý vì nó làm giảm sút khả năng lao động, nhằm hợp lý hoá chế độ lao động, hoàn cảnh lao động và quá trình lao động để khắc phục yếu tố trên.

- Nghiên cứu các phương tiện máy móc nâng cao năng suất lao động, nâng cao văn hoá trong lao động và tổ chức lao động một cách khoa học.

- Nghiên cứu những nguyên nhân tâm lý của những hành động sai sót dẫn đến những trường hợp bất hạnh, những hư hỏng, nhằm mục đích ngăn ngừa những hành động sai sót.

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình lao động, nhằm xây dựng tập thể lao động tốt, hình thành thái độ đúng đắn đối với lao động cho những người lao động.

4. Ý nghĩa và vai trò

Môn học tâm lý học nghề nghiệp nghiên cứu nhiều vấn đề, trong chuyên đề này chủ yếu nghiên cứu những đặc điểm tâm lý trong năng lực của những người khác nhau để giúp họ chọn một ngành nghề cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của chính mình. Làm được điều này sẽ giúp người lao động chọn

được ngành nghề phù hợp, giảm thiểu kinh phí đào tạo cho gia đình và cho xã hội.

Hiện nay, ở nước ta có khoảng 70 - 80 vạn học sinh học hết bậc phổ thông cơ sở và khoảng 20 vạn học sinh học hết bậc phổ thông trung học, trong đó chỉ có khoảng 30-40% học sinh học hết bậc phổ thông cơ sở và 10% học sinh học hết bậc phổ thông trung học được tiếp tục học lên, còn đại bộ phận phải bắt đầu tự lao động kiếm sống. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, ngay trong hệ thống giáo dục phổ thông đã cần mở rộng quy mô, đẩy mạnh tốc độ đào tạo ngành và phổ cập nghề cho thanh niên học sinh tại các trường phổ thông, các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp.

Song, vấn đề cần quan tâm là dạy cho ai và dạy nghề gì để tìm được sự hòa hợp giữa hai nhân tố “con người - nghề nghiệp”.

Người xưa đã dạy: “Dụng nhân như dụng mộc”, “chọn nghề là chọn cuộc đời”. Vậy, làm thế nào trong cái thế giới nghề nghiệp mênh mông đó con người có thể định hướng đúng được cái nghề thực sự phù hợp với mình, có thể gắn bó máu thịt với mình, theo chân mình suốt cả cuộc đời.

Chỉ tính riêng ở trường phổ thông, trong bảng “danh mục nghề” cũng đã quy định cần dạy tới khoảng 44 nghề, chưa kể tới những nghề thủ công truyền thống và những nghề phổ biến ở địa phương. Còn nói rộng ra, cả nước hiện nay có tới 33 nhóm nghề, mỗi nghề lại chia ra thành nhiều chuyên môn. Các nghề chuyên môn dạy trong các trường chuyên nghiệp và đại học trong cả nước chỉ chiếm một phần nhỏ trong số những nghề ngoài xã hội, song đó không phải là con số nhỏ vì trong cả nước ta hiện nay có khoảng 250 trường dạy nghề đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật gồm 394 nghề. Bên cạnh các trường nghề có khoảng 250 trường trung học chuyên nghiệp, đào tạo cán bộ kỹ thuật thuộc 220 nghề. Ngoài ra, chúng ta còn có hàng trăm trường đại học và cao đẳng bao gồm hàng trăm khoa và hàng nghìn tổ bộ môn.

Tại các nước công nghiệp phát triển, số lượng nghề và chuyên môn còn nhiều gấp bội. Chẳng hạn ở Mỹ có tới 4 vạn chuyên môn, ở Liên Xô chỉ riêng lĩnh vực sản xuất công nghiệp số chuyên môn cũng đã lên tới 1.5 vạn.

Tuy nhiên, vấn đề này cũng có tính hai mặt của nó, xã hội tạo ra cho con người có được khả năng lựa chọn càng rộng rãi bao nhiêu thì quá trình lựa chọn càng phức tạp bấy nhiêu. Bởi lẽ, mọi sự tự xác định cũng đồng thời là sự

tự hạn chế: Khi đã chọn một nghề, con người dù muốn hay không cũng cứ buộc phải từ chối tất cả những khả năng khác.

Thêm nữa, khi chuẩn bị vào đời, học sinh thường rất ngỡ ngàng, hoang mang trước thế giới nghề nghiệp phức tạp và đa dạng. Các em thiếu hiểu biết về nghề, thiếu cái nhìn thực tế về tình hình đất nước, đánh giá về mình lại chưa chính xác, nên rất dễ bị “nhiều” bởi dư luận xã hội, bởi những thành kiến sai lầm.

Có thời các trường thương mại, ngoại giao, ngoại thương, ngân hàng, pháp lý, bách khoa... học sinh thi vào quá đông mà chỉ tiêu dự kiến lại lấy rất ít. Trong khi đó một số trường số học sinh thi vào lại quá ít. Ví như trường Cao đẳng phòng cháy chữa cháy cần tuyển 35 học sinh thì chỉ có 8 em đăng ký dự thi (năm 1990).

Thành thử dẫn đến tình trạng năm nay học sinh thi ừa vào các trường này, sang năm lại đổ xô vào các trường khác.

Mặt khác, việc chọn nghề của học sinh còn phụ thuộc rất nhiều vào thể lực và đặc điểm tâm lý của các em. Trong khi đó, tình trạng thể lực của học sinh nước ta lại đang trong tình trạng rất đáng lo ngại: tỷ lệ mắc bệnh tai - mũi - họng, cong vẹo cột sống khá, còn về những đặc điểm tâm lý như cảm giác, tri giác, trí nhớ tưởng tượng, tư duy, tính khí... thì rất ít em biết dựa vào để làm căn cứ khi chọn nghề. Với lối chọn nghề như vậy, tất không tránh khỏi dẫn đến tình trạng chán nghề, xin đổi nghề và cuối cùng bỏ nghề, gây tổn thất cho sản xuất, cho xã hội, đồng thời cản trở con đường tiến thủ trong nghề của cá nhân.

Quả vậy, theo số liệu của tổng cục dạy nghề thì trong số học sinh đã vào học nghề có tới 29,4% không yêu nghề, không có sự phù hợp nghề và muốn bỏ nghề.

Trong nhiều năm qua ở một số trường trung học và dạy nghề, sau khi nghiên cứu các trường hợp học sinh đã theo học sau đó bỏ học, hoặc học xong mà không hành nghề, thường do các em chán học do không phù hợp nghề. Lý do trước khi vào học thiếu thông tin, không được tư vấn hướng nghiệp mà do bột phát cá nhân, hoặc do gia đình sắp xếp. Bản thân các em thiếu hiểu biết về hoạt động nghề và cũng chưa hiểu hết về năng lực cá nhân mình.

Vì vậy, môn tâm lý học nghề nghiệp giúp giáo viên các khối trường tư vấn cho các em chuẩn đoán phù hợp nghề thực sự của cá nhân với nghề nghiệp mà mình đang chọn. Ngoài ra, còn phải tính đến những nhu cầu xã hội, thị trường

lao động trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài. Các em rất quan tâm đến mối quan hệ con người và nghề nghiệp, nên giáo viên chúng ta cần phải làm sáng tỏ vấn đề con người phải làm gì, có thể làm gì và cố gắng vươn tới nắm được cái gì, nghĩa là phải xác định mối liên hệ tương hỗ chủ thể - khách thể, trong cấu trúc của các hoạt động nghề cụ thể. Một trong những phương tiện giúp ta phân tích mối liên hệ tương hỗ chủ thể - khách thể đó ra thành các giai đoạn hoạt động cụ thể riêng biệt là các bản đồ họa nghề nghiệp. Sự phân tích đó sẽ giúp chúng ta lựa chọn và thích ứng các phương pháp và công cụ chuẩn đoán sự phù hợp nghề, cũng như nêu ra được các chỉ tiêu đánh giá mức độ sẵn sàng đi vào nghề một cách chính xác nhất.

Chọn nghề cần đồng thời chọn con đường tối ưu về đào tạo chuyên môn, đánh giá đúng đắn khả năng của mình trong việc nắm vững chuyên môn đó. Nhưng đó mới chỉ là một mặt, đại đa số các nghề hiện nay đòi hỏi phải có một sự đào tạo trên diện rộng, có thể đồng thời kiêm nhiệm nhiều chuyên môn khác nhau, khả năng tự mình nâng cao trình độ của mình, hoàn thiện tri thức nghề nghiệp chuyên môn. Trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta hiện nay đòi hỏi con người phải năng động, học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn, giỏi một nghề, biết nhiều nghề.

II. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC NGHỀ NGHIỆP

1. Các nước trên thế giới

Tại các nước Phương Tây những tác phẩm đầu tiên về tâm lý học nghề nghiệp đã đã được công bố từ trước chiến tranh thế giới thứ nhất. Ngày nay, tâm lý học nghề nghiệp được rất nhiều người quan tâm với một số lớn các bài báo, các bản tóm tắt chuyên môn và các tài liệu chuyên khảo bằng nhiều thứ tiếng. Phần lớn các sách này có đề cập đến những phương pháp và kết quả thu được trong quá trình hoạt động thực tiễn. Các tác giả của những cuốn sách ấy đều nghiên cứu các vấn đề do xí nghiệp mà họ trực tiếp làm đề ra, những vấn đề về tuyển chọn công nhân, vấn đề dạy nghề cho công nhân, sự sắp đặt nơi làm việc, các nguyên nhân gây nên những nhân tố bất hạnh hay những nhân tố có ảnh hưởng đến năng suất lao động kể từ sự chiếu sáng đến các mối quan hệ của con người. Trong thực tế, tâm lý học nghề nghiệp có nhiều tên gọi khác nhau: tâm lý học công nghiệp, tâm lý học ứng dụng, tâm lý học nghề nghiệp, tâm lý học lao động hoặc thuật ngữ: “Kỹ thuật tâm lý học” do nhà tâm lý học Đức V.Steenơ đề xướng từ năm 1903. Những nhiệm vụ và phương pháp chi tiết

của kỹ thuật tâm lý học đã được H. Muynxtebec mô tả vào năm 1910. Năm 1913 ông xuất bản cuốn “Tâm lý học và hiệu suất công nghiệp”.

Tại Liên Xô, tâm lý học nghề nghiệp ra đời cùng với sinh lý học lao động trong các tác phẩm của nhà sáng lập ra tâm lý học Nga là I.M.Xêsenốp.

Trong các bài báo của mình như: “Những tiêu chuẩn sinh lý đối với tâm thể về độ dài của ngày lao động” (1987); “Sự tham gia của hệ thần kinh về những động tác lao động của con người” (1900), Xêsenốp đã cố gắng nêu lên cơ sở sinh lý của các quá trình tâm lý quyết định chất lượng của quá trình lao động.

Đầu thế kỷ XIX, nền công nghiệp phát triển ở châu Âu, nước Pháp đã xuất bản cuốn “*chỉ dẫn chọn nghề*” vào năm 1849.

Tại Anh, năm 1983, nhà tâm lý F.Galton đã nghiên cứu sử dụng test phương pháp trắc nghiệm để tư vấn nghề cho thanh niên. Sau đó, phương pháp dùng test đã lan rộng ra các nước Mỹ, Đức, Hà Lan. Năm 1938, tại Bacxelona hội nghị quốc tế về nghề nghiệp được tổ chức.

Tại Mỹ năm 1916 đến năm 1918, chính phủ Mỹ đã dùng test với hơn 1 triệu lính Mỹ để tuyển chọn quân. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, các nước phương Tây đã dùng phương pháp test chọn hơn 20 triệu lính vào các binh chủng mà quân đội có yêu cầu. Sau đó phương pháp test được dùng để tuyển chọn nghề trở nên ngày càng phổ biến ở các nước.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, trước đây người ta ít quan tâm tới vấn đề này, ở Nga đến năm 1970 mới bắt đầu sử dụng test, nhưng mục đích áp dụng vẫn là: “*bình quân về nhân cách*” gây cản trở sự phát triển của một xã hội.

2 . Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, tâm lý học nghề nghiệp mới bắt đầu được quan tâm từ năm 1963. Tuy còn non trẻ, nhưng tâm lý học nghề nghiệp có những đóng góp đáng kể cho sản xuất và chiến đấu. Trong mấy chục năm qua chúng ta đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị như: “Cường độ lao động trong từng lúc trong lao động” (Tô Như Khuê, Bùi Thụ), “Đánh giá sự mệt mỏi trong và sau lao động, chiến đấu” (Bùi Thụ, Bùi Thu Nguyên, Phạm Quý Soạn...), “Khả năng thích nghi của những người làm việc lâu năm ở chỗ nóng” (Ngô Đức Hương, Bùi Thụ, Nguyễn Hùng).

Tuy nhiên, về phương diện tâm lý học nghề nghiệp thì hầu như chưa có sự nghiên cứu đầy đủ. Năm 1971, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao

động được thành lập, trong chương trình nghiên cứu của Viện đã đề cập tới tâm lý học lao động (vấn đề hướng nghiệp, chọn nghề, lao động sư phạm...).

Năm 1975, cuốn sách đầu tiên khá đầy đủ về Éc-gô-nô-mi ở nước ta ra đời cuốn “Khoa học lao động” của Nguyễn Văn Lê, trong đó có đề cập tới một số khía cạnh về tâm lý học nghề nghiệp. Từ năm 1976, tâm lý học nghề nghiệp bắt đầu được tiến hành trong một số trường đại học sư phạm, trường cán bộ công đoàn, cơ sở sản xuất đoạn đầu máy toa xe Hà Nội.

Năm 1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập các trung tâm hướng nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất cũng đã bắt đầu có sự tuyển chọn người để học tập và lao động phù hợp với đặc điểm sinh lý nghề nghiệp.

Để thực hiện: “Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng và an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”¹. Thì tâm lý học nghề nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong định hướng nghề cho thanh niên.

¹ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII

Chương 2

CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHỌN NGHỀ CHO THANH NIÊN

I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHỌN NGHỀ

Việc đảm bảo hiệu quả hoạt động tối ưu của hệ thống “người - công việc” bao gồm một số vấn đề có liên quan với nhau. Một trong số đó là sự thích ứng của con người với công việc. Thích ứng của con người với các điều kiện lao động mới có nghĩa là học tập rèn luyện, thích nghi và hệ thống các biện pháp khác cho phép chọn lựa các chuyên gia cho từng loại nghề nhất định. Cách làm đó nhằm đạt được sự hợp nhất giữa phẩm chất của người lao động và các yếu tố tâm sinh lý của nghề nghiệp.

Thực tiễn hàng ngày trong các trường kỹ thuật dạy nghề, các trường trung cấp kỹ thuật cũng như tại các trường cao đẳng chuyên nghiệp, trong sản xuất chứng minh rằng không phải mỗi người lao động trẻ tuổi đều có thể nắm vững được nghề mình thích hoặc có nắm được thì mức nắm vững cũng không cao. Tình hình chuyển công nhân từ ngành này sang ngành khác, trong đó có nguyên nhân do không phù hợp giữa nghề nghiệp với khả năng của con người, là một thực tế. Hàng năm có một khối lượng lớn học sinh thi lên lớp, thi chuyển cấp và thi tốt nghiệp nhưng không phải bao giờ và ở nơi nào cũng đạt được tỷ lệ 100%. Người ta lại còn nhận thấy rằng có những người làm tốt công việc này nhưng khi làm công việc khác hiệu suất lại thấp hơn. Tất cả những thí dụ nêu trên phù hợp với kết luận rằng, trong cùng điều kiện như nhau có người làm tốt việc này, có người làm tốt việc kia. Vì thế, vấn đề chọn con người phù hợp yêu cầu công việc hoặc ngược lại chọn công việc phù hợp với khả năng con người là một vấn đề có lợi ích thiết thực.

Vào khoảng đầu thế kỉ XX, tại nhiều nước tư bản phát triển trên thế giới đã phổ biến khá rộng rãi một ngành tâm lý ứng dụng tâm lý học kỹ thuật. Người đặt nền móng cho ngành này là Meinstenberg H. Vấn đề trọng tâm của ngành tâm lý này là chọn nghề và hướng nghiệp. Nhiều nhà đại diện của tâm lý học kỹ thuật khẳng định rằng con người và nghề nghiệp phải phù hợp với nhau như súng với đạn. Xuất phát từ quan niệm như vậy, trước kia người ta đã tiến hành chọn nghề ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội. Và thực chất của vấn đề chọn nghề theo kiểu ấy là một phương tiện gạt bỏ công nhân trong điều kiện kỹ thuật sản xuất đang tiến bộ và phát triển. Vì thế một việc mang tính chất nhân đạo lại trở thành biện pháp tàn nhẫn đẩy một bộ phận lao động vào tình trạng không có công ăn việc làm.

Ngày nay, ở nhiều nước, việc tiến hành chọn nghề chỉ diễn ra trong phạm vi hẹp. Trong những nghề có yêu cầu cao đối với các chức năng tâm sinh lý mà khả năng của khoa học và kỹ thuật chưa cho phép thực hiện thích ứng công việc với người. Mục đích của việc chọn nghề ngoài ý nghĩa tuyển chọn còn mang ý nghĩa phân phối lực lượng lao động cho hợp lý. Các thí sinh không đạt yêu cầu đặc biệt của các ngành nghề mong muốn được chuyển sang ngành nghề khác thích hợp hơn với những lời khuyên thiết thực và hữu ích. Đối với các loại nghề phổ thông thì vấn đề quan trọng là hướng nghiệp chứ không phải chọn nghề. Hướng nghiệp sẽ giúp người ta chọn một nghề nào đó hợp lý.

Cơ sở để nghiên cứu và dự thảo phương pháp lựa chọn nghề nghiệp đó là khả năng phù hợp đặc điểm tâm sinh lý con người. Khả năng là tổ hợp các thuộc tính của con người, là điều kiện để nắm vững hoàn thiện và đạt được những thành tựu cao ở một loại hoạt động nào đó. Như vậy, có thể thấy khả năng có hai dạng chung và riêng. Có thể kể một số thuộc tính của khả năng chung như: trí nhớ dài, trí nhớ hoạt động, hoặc khả năng tập trung và phân phối chú ý tốt; và khả năng riêng như tai nhạc sĩ, nhạc công, mắt họa sĩ...

Về phương diện lý luận vấn đề nguồn gốc của khả năng đang còn nhiều tranh cãi. Quan niệm khá phổ biến là cho rằng nguồn gốc của khả năng là bẩm sinh là tiền định do di truyền và được chương trình hoá ngay từ lúc mới sinh. Một quan niệm khác cho rằng khả năng được hình thành trong cuộc sống và không có một cơ sở vật chất bên trong nào cả. Thực nghiệm và những nghiên cứu tâm sinh lý gần đây chứng tỏ rằng cả hai quan điểm nêu trên đều là cực đoan, thuộc hai phía đối lập nhau. Khả năng được hình thành và phát triển

trong quá trình sống nhưng không phải nó được hình thành từ chỗ “trống không”. Một số đặc tính bẩm sinh chính là cơ sở tiên quyết tự nhiên của khả năng. Mối liên hệ giữa khả năng và các đặc tính bẩm sinh không phải là chặt chẽ duy nhất mà nó có tính chất đa dạng. Trên cơ sở những đặc tính bẩm sinh như nhau nhưng lại hình thành những khả năng khác nhau và ngược lại, những khả năng giống nhau lại hình thành từ các đặc tính bẩm sinh khác nhau.

Ở mức độ cao, các đặc tính bẩm sinh của mỗi người vừa là đặc biệt, vừa là tổng hợp, như di truyền khẳng định loài người và đa biến di chuyển khá lớn đối với từng người. Như vậy, không có cơ sở để cho rằng người này có khả năng, người kia không có khả năng. Mỗi người đều có những đặc tính riêng mà nhờ nó có thể đạt được hiệu quả cao trong hoạt động thích hợp nếu như được học tập và rèn luyện cẩn thận và biết phát huy năng lực một cách hợp lí.

Như ở trên đã trình bày, trong cùng điều kiện như nhau, cùng một nhiệm vụ hoạt động nhưng cách thể hiện của mọi người vừa có chỗ giống nhau vừa có chỗ khác nhau. Vấn đề khác nhau và giống nhau này đã được nhiều nhà nghiên cứu chú ý. Nhưng chỉ tới kết quả thực nghiệm của I.P Pavlov và học thuyết của ông cũng như những người kế tục như B.M Teplov ; V.D Nebilisin mới giải quyết được vấn đề. Theo các tác giả này thì hệ thần kinh trung ương có bốn thuộc tính cơ bản và mỗi thuộc tính lại được xác định bởi ba chỉ tiêu. Tuy nhiên, các đặc điểm tâm sinh lí không phải chỉ phụ thuộc các kiểu hình thần kinh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Rất tiếc rằng vấn đề này đến nay hầu như còn ít được nghiên cứu. Vì vậy, để đi gần đến sự thật về bản chất tâm sinh lí của con người chúng ta phải sử dụng các phương pháp xuất phát từ quan niệm về hệ thống các thuộc tính của con người.

Theo chúng tôi, trước khi làm công tác tuyển sinh các trường nên thực hiện các bước sau:

1. Nhiệm vụ hướng nghiệp

Hướng nghiệp là một hệ thống biện pháp tác động của gia đình, nhà trường và xã hội. Nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm hướng dẫn và chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng đi vào lao động ở các ngành nghề, tại những nơi xã hội đang cần phát triển đồng thời cũng phù hợp với hứng thú, năng lực của cá nhân.

+ Nhiệm vụ hướng nghiệp trong thời gian trước mắt đã được ghi rõ trong quyết định số 126, CP của Hội đồng Chính phủ: “Công tác hướng nghiệp ở các trường phổ thông gồm các nhiệm vụ:

- Giáo dục thái độ lao động đúng đắn.
- Tổ chức cho học sinh thực tập làm quen với một số nghề.
- Tìm hiểu năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của từng học sinh để khuyến khích, hướng dẫn, bồi dưỡng khả năng nghề nghiệp thích hợp nhất.
- Động viên, hướng dẫn học sinh đi vào những nghề, những nơi đang cần lao động trẻ tuổi có văn hóa.
- + Về lâu dài, trên bình diện xã hội, muốn làm tốt nhiệm vụ hướng nghiệp, cần giải quyết tốt các vấn đề có liên quan chặt chẽ.

2. Tiến hành định hướng nghề cho học sinh

Định hướng nghề là việc thông tin cho học sinh biết về đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển của các ngành nghề trong xã hội, đặc biệt là các nghề và các nơi đang cần nhiều lao động trẻ tuổi có văn hóa, về những yêu cầu tâm sinh lý của mỗi nghề, về tình hình phân công và yêu cầu điều chỉnh lao động ở cộng đồng dân cư, về hệ thống trường lớp đào tạo nghề của nhà nước, tập thể và tư nhân.

Sau việc thông tin nghề nghiệp phải tạo điều kiện cho học sinh làm quen với một số nghề để “thử sức”, từ đó học sinh kiểm nghiệm hứng thú, năng lực bản thân, tự giác lựa chọn và đi vào một lĩnh vực nghề phù hợp nhất.

3. Làm tư vấn nghề đối với từng học sinh

Công việc chủ yếu của tư vấn nghề là khảo sát đặc điểm tâm sinh lý của từng học sinh rồi đem đối chiếu những thuộc tính cơ bản nhất như: hứng thú, năng lực và hoàn cảnh gia đình... của cá nhân học sinh với đặc điểm, yêu cầu hoạt động của các nghề để xác lập mức độ phù hợp nghề, trên cơ sở đó người làm tư vấn nghề cho học sinh những lời khuyên bổ ích như: Em nên chọn nghề gì, không nên làm nghề gì, tại sao lại như vậy. Đồng thời cũng chỉ cho học sinh rõ, muốn đi sâu vào một nghề định chọn nào đó, họ đã có những gì về phẩm chất, năng lực tương ứng và cần thiết phải tiếp tục học tập, rèn luyện những vấn đề gì.

Công tác tư vấn nghề rất quan trọng và khoa học, đòi hỏi phải mạnh dạn tiến hành, song phải có đội ngũ cán bộ chuyên môn được huấn luyện chu đáo và phải có cơ sở vật chất tối thiểu. Do vậy, trước mắt tiến hành thí điểm ở một số trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề và một số trường trung học phổ thông ở các vùng kinh tế khác nhau để rút kinh nghiệm, sau đó từng bước mở rộng vững chắc ra các địa phương, trường học khác.

4. Tuyển chọn nghề nghiệp một cách khoa học

Tuyển chọn nghề nghiệp thực sự khoa học phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động và nhu cầu lao động của một nghề xác định ở thời điểm và địa chỉ cụ thể mà tuyển lựa những người có phẩm chất năng lực tương ứng vào học nghề hoặc làm việc ngay.

Tuyển chọn nghề nghiệp là nhiệm vụ của các ban tuyển sinh chuyên nghiệp, cơ quan hoặc tư nhân có nhu cầu tuyển lao động. Nó dựa trên kết quả hướng nghiệp và kết thúc một giai đoạn hướng nghiệp của học sinh.

Trường phổ thông có nhiệm vụ tổ chức cho học sinh được hoạt động định hướng nghề nghiệp, góp phần làm tư vấn nghề cho học sinh, cung cấp tư liệu về kết quả hướng nghiệp, học nghề phổ thông cho cơ quan tuyển sinh hoặc tuyển chọn lao động.

II. MỘT SỐ QUAN NIỆM CỦA THANH NIÊN KHI CHỌN NGHỀ

Chọn nghề là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng không chỉ với cá nhân, nhất là với nam nữ thanh niên, mà còn với cả xã hội.

Thực ra, chọn nghề không chỉ có nghĩa là chọn một công việc làm cụ thể nào đó, mà nó còn là chọn lấy một cách sống trong tương lai, chọn lấy một con đường sống mai sau. Lúc 17 tuổi Các Mác, đã viết trong bài luận: “Những suy nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề” như sau:

“Cần nhắc cẩn thận vấn đề này, đó là trách nhiệm đầu tiên của một thanh niên bước vào đời mà không muốn coi những việc quan trọng nhất của mình là ngẫu nhiên”².

Nếu như con đường nghề nghiệp (và cũng là con đường sống, đường đời) của thanh niên nam nữ được hình thành một cách ngẫu nhiên, không phù hợp với những động cơ được hình thành trước đây với năng lực của họ, thì sẽ có thể nảy sinh những thất vọng nặng nề cho cá nhân họ, mặt khác cũng có thể ảnh hưởng không tốt cho xã hội.

Trong thực tế không phải bao giờ thanh niên cũng có thể giải quyết một cách chính xác vấn đề chọn nghề của mình. Theo giáo sư tiến sỹ tâm lý học E.A.Climốp thì có hai nguyên nhân dẫn đến sự chọn nghề không chính xác:

+ Thái độ không đúng đối với các tình huống khác nhau của việc chọn nghề (đối với lĩnh vực hoạt động, đối với những lời khuyên hay những hành vi của những người xung quanh...)

+ Sự thiếu tri thức, kinh nghiệm, thông tin về những tình huống đó.

² Những vấn đề tâm lý học trong các tác phẩm của Các Mác (1934)

Thuộc về loại thứ nhất có những nguyên nhân sau:

- Thái độ đối với việc chọn nghề như là đối với việc chọn một nơi cư trú suốt đời, một ốc đảo ổn định trong đại dương nghề nghiệp. (Thường học sinh hướng vào một nghề nghiệp có chuyên môn cao hoặc cao nhất, mà quên đi rằng muốn đi đến đó phải qua một cầu thang nhiều bậc và cần phải bước từ những bậc thấp của chiếc cầu thang ấy).

- Những thành kiến về tiếng tăm nghề nghiệp.
- Chọn nghề do ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của bạn bè.
- Di chuyển thái độ đối với người đại diện cho một nghề nào đó sang chính bản thân nghề đó.

- Sự say mê chỉ với mặt ngoài hay cục bộ nào đó của nghề nghiệp.

- Áp đặt của gia đình hoặc lựa chọn theo định hướng của người thân.

Thuộc vào loại thứ hai gồm những nguyên nhân sau:

- Đồng nhất môn học với nghề nghiệp.
- Những hiểu biết lỗi thời về tính chất lao động trong lĩnh vực sản xuất vật chất.

- Thiếu hiểu biết về những năng lực và động cơ của mình.

- Không biết hoặc không đánh giá đầy đủ về những đặc điểm thể chất, những thiếu sót đang có của mình khi chọn nghề.

- Không biết những hành động, thao tác và trình tự của chúng khi giải quyết vấn đề chọn nghề.

- Việc chọn nghề quan trọng và khó khăn, phức tạp như vậy nên về phía cá nhân người chọn nghề cần phải có sự lựa chọn một cách tự giác, có suy nghĩ chín chắn; về phía xã hội cần có sự hướng dẫn, định hướng nghề nghiệp (hướng nghiệp) cho thanh niên, sao cho kết hợp được một cách lý tưởng ba yếu tố sau:

+ Nguyên vọng, năng lực cá nhân.

+ Những đòi hỏi của nghề nghiệp.

+ Những yêu cầu của xã hội về chỉ tiêu phân phối cho các ngành nghề khác nhau.

Khái niệm “hướng nghiệp” đã được truyền bá rộng rãi sau Hội nghị quốc tế năm 1921 ở Barcelona. Phòng hướng nghiệp đầu tiên đã được thành lập ở Đức, Pháp, Anh và Mỹ. Chẳng hạn, ở Đức năm 1925 - 1926 đã có 567 phòng tư vấn nghề nghiệp đặc biệt, đã nghiên cứu gần 400.000 thanh niên trong 1

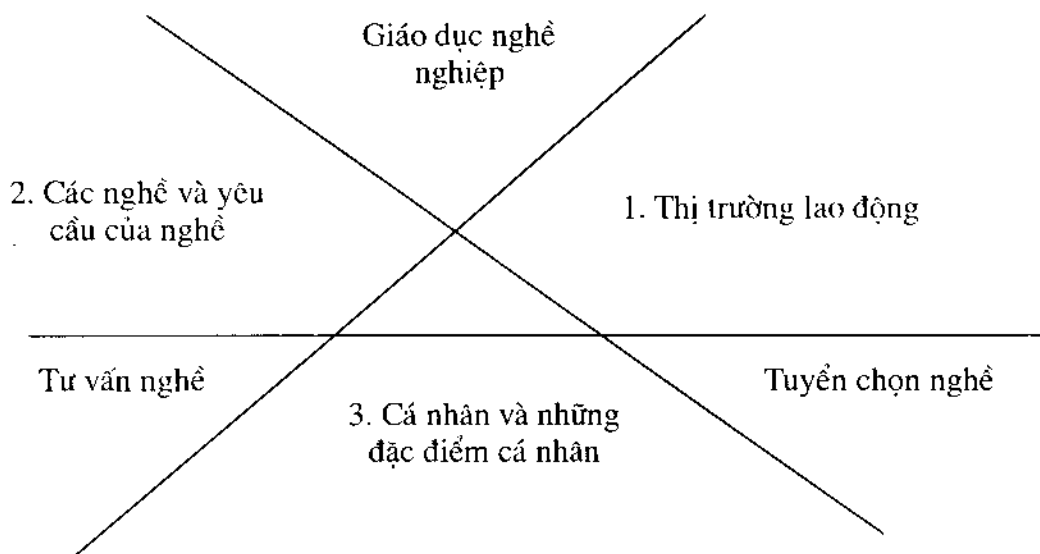
năm. Vào thời kỳ này, công tác tư vấn cũng đã rất được chú ý ở Anh, một đất nước đã thành lập được một Hội đồng quốc gia đặc biệt nghiên cứu về vấn đề này.

Khi phân tích về nhiệm vụ, nội dung và các hình thức của công tác hướng nghiệp, giáo sư K.K.Platônốp đã nêu ra cái gọi là “Tam giác hướng nghiệp”. Theo ông, công tác hướng nghiệp phải nhằm cho học sinh thấy rõ được 3 mặt sau:

- Những yêu cầu, đặc điểm của các nghề nghiệp.
- Những nhu cầu xã hội đối với ngành nghề (ta còn gọi là thị trường lao động xã hội).
- Những đặc điểm và nhân cách, đặc điểm về năng lực của bản thân học sinh.

Ba mặt đó cũng chính là nội dung của công tác hướng nghiệp. Để thực hiện được các nội dung đó, công tác hướng nghiệp có các hình thức sau:

- Giáo dục và tuyên truyền nghề nghiệp.
- Tư vấn nghề nghiệp và tuyển chọn nghề nghiệp.
- Nhân cách và năng lực cá nhân.



Sơ đồ: Tam giác hướng nghiệp

Để cung cấp cho học sinh những tri thức cần thiết về các nghề nghiệp, trong tâm lý học nghề nghiệp có một chuyên ngành mô tả đặc điểm, yêu cầu của các nghề nghiệp khác nhau gọi là *ngành đồ họa nghề nghiệp*.

Ngành này sẽ đưa ra những đồ họa nghề nghiệp cụ thể cho từng nghề. Một bản *đồ họa nghề nghiệp* cần phải bao gồm tất cả các tri thức về nghề nghiệp:

- Đặc điểm chung của nghề.
- Sự mô tả quá trình của công việc.
- Những tri thức về sự chuẩn bị phải có.
- Những đặc điểm sinh lý và vệ sinh.
- Những điều cần tránh về mặt y học.
- Đặc điểm kinh tế của nghề.
- Những triển vọng phát triển của nó.
- Những đặc điểm tâm lý của nghề.

Sự mô tả những đặc điểm tâm lý của nghề được thể hiện trong *Họa đồ tâm lý nghề nghiệp*, họa đồ này nằm trong họa đồ nghề nghiệp

Sau đây là một ví dụ về họa đồ tâm lý nghề nghiệp của một số nghề nhằm giúp cho học sinh tham khảo để lựa chọn nghề:

1. Nghề may

1.1. Giới thiệu chung về nghề may

Hoạt động của thợ may là hình thức lao động biến đổi những loại vải làm bằng các loại sợi bông, tơ, lanh, đay, sợi hoá học, các mặt hàng len dạ thành quần áo và những đồ trang phục.

Sản phẩm của nghề may phải đáp ứng nhu cầu về mặc ở cả mặt chất lượng lẫn thẩm mỹ, thoả mãn thị hiếu của nhân dân. Vì vậy, nghề may đòi hỏi người thợ luôn phải cải tiến hình thức sản phẩm của mình, tạo ra những “mốt” mới, sao cho sản phẩm may mặc phù hợp với con mắt thẩm mỹ chung, lại vừa tiện lợi, hợp lý. Nhờ công việc may mặc, người thợ có thể nâng cao năng lực nhiều mặt: người có năng khiếu hội họa sẽ sáng tạo ra những mẫu quần áo mới, tạo mốt thời trang, người có năng khiếu kỹ thuật sẽ phát triển năng khiếu kỹ thuật, chế tạo, cải tiến máy khâu...

Nghề thợ may hiện nay đang có xu hướng mở rộng và chuyên môn hoá cao. Hiện nay, trong các xí nghiệp may, người ta phân chia thành thợ may quần áo đồng loạt, thợ cắt y phục, thợ may máy, thợ may com-lê, thợ may quần áo bảo hộ lao động...

Xã hội càng tiến, kinh tế càng phát triển, nhu cầu may mặc càng lớn, nghề may càng có điều kiện phát triển, tăng thu nhập cho gia đình và may xuất khẩu làm giàu cho đất nước.

1.2. Những đặc điểm cơ bản của nghề

- Đối tượng lao động: Các nguyên liệu vải dệt, dệt kim, các mặt hàng không phải nguyên liệu vải, vải phỉ (gai), nhung và nhiều vật liệu may mặc khác.

- Mục đích lao động: Nghề may có nhiệm vụ phục vụ và làm thỏa mãn nhu cầu may mặc trong xã hội. Từ các loại vải đủ màu trang nhã, rực rỡ, thanh lịch, người thợ tài ba chế biến, pha màu thành quần áo các kiểu hợp thị hiếu người tiêu dùng, thành những đồ dùng khác phục vụ cho nhu cầu ăn mặc như mũ, khăn, găng tay...

- Công cụ lao động: Máy may thông thường hoặc máy may chuyên dụng (đạp chân hay chạy điện)

Ngoài ra, thợ may còn cần đến những thiết bị để ghép các chi tiết bằng hồ keo, máy dập, bàn là, các dụng cụ gá của máy may, các dụng cụ đo đạc, lấy dấu...

- Điều kiện lao động: Nghề may làm việc trong những điều kiện bình thường, không đòi hỏi sự thích ứng đặc biệt của cơ thể đối với môi trường lao động.

1.3. Những yêu cầu của nghề

- Những yêu cầu về tri thức.

+ Những tri thức phổ thông: Ít nhất học hết chương trình văn hoá phổ thông cơ sở, còn nếu như muốn đi xa, trở thành những nhà tạo "mốt", may những trang phục đại lễ cầu kỳ, sang trọng, đòi hỏi phải có trình độ văn hoá cao hơn, phải biết tính toán, đo đạc để vừa không lãng phí vải vóc, vừa may được những bộ quần áo đẹp đúng "mốt", đúng kiểu.

+ Tri thức sản xuất nói chung: Nắm chắc quá trình cắt may quần áo, an toàn lao động, vệ sinh sản xuất. Ngoài ra, người thợ cần phải hiểu biết về công nghệ may, vật liệu may, các chi tiết của máy may, nguyên lý tổ chức các khâu trong nghề may theo dây chuyền...

Trong cơ chế thị trường hiện nay, người thợ cần phải biết liên doanh, liên kết, biết mở rộng quan hệ với các công ty may mặc xuất khẩu...

+ Tri thức chuyên môn: Hiểu biết những sản phẩm may mặc, các loại mặt hàng, cấu tạo và chi tiết sản phẩm, biện pháp vận hành máy, kỹ thuật là các loại vải, tính chất các loại chỉ và sợi khác nhau. Đồng thời, người thợ còn phải biết các dạng thiết bị, đồ gá, những nguyên tắc sửa chữa và điều chỉnh máy may và động cơ điện dùng cho máy may... Cuối cùng, người thợ may giỏi còn phải có những hiểu biết về hợp lý hoá lao động, về công nghệ cắt may tiên tiến, về thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước.

- Những yêu cầu về kỹ xảo

+ Kỹ xảo lao động chân tay: Thông thạo việc khâu vá, may tay, là vải, sử dụng những dụng cụ khác nhau để điều chỉnh và sửa chữa máy may, sử dụng các máy cắt, dập và các thiết bị khác.

+ Kỹ xảo lao động trí óc. Biết kiểm tra chất lượng các thao tác, biết hợp lý hóa công việc và giá công sản phẩm, kiểm tra sự hoàn thiện của máy móc, thiết bị, quan sát quy trình công nghệ, tham gia các quá trình cải tiến, sáng chế.

+ Kỹ xảo tổ chức lao động: Biết tổ chức hợp lý chỗ làm việc, biết đặt kế hoạch và thời gian biểu làm việc hàng ngày, biết những quy tắc về an toàn lao động.

1.4. Những chống chỉ định cơ bản

Những người mắc các bệnh sau đây không được tham gia nghề thợ may: Mù màu, mô hôi tay, thấp khớp nặng, bệnh lao, bệnh nội tiết, bệnh tim...

2. Nghề kỹ thuật điện

2.1. Giới thiệu chung về nghề

Nghề kỹ thuật điện là một dạng hoạt động đặc biệt của công nhân và cán bộ kỹ thuật nhằm chế tạo, lắp ráp, sửa chữa và sử dụng các thiết bị điện hoặc các bộ phận thiết bị đó.

Các công nhân và cán bộ kỹ thuật điện lao động những lĩnh vực rất khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Tất cả các ngành nghề kỹ thuật điện có thể chia thành những nhóm nghề chủ yếu sau.

- Các nghề và chuyên môn sản xuất các thiết bị điện, các máy điện và dụng cụ điện. Những nghề chủ yếu của nhóm này là thợ lắp máy, thợ cuốn dây

điện, thợ chế tạo vật cách điện... Ngoài các nghề trên còn có nhiều nghề khác như thợ quấn cuộn cảm, thợ quấn stato, thợ chế tạo vật liệu điện...

- Các nghề và chuyên môn thuộc phạm vi sản xuất, phân phối và truyền điện năng. Các nghề chủ yếu trong nhóm này là lắp các bảng điều khiển trạm phát điện, thợ đo điện, thợ sử dụng mạng điện...

- Các nghề và chuyên môn có liên quan tới việc lắp ráp, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện, máy điện, dụng cụ điện và mạng điện. Công nhân và cán bộ kỹ thuật thuộc nhóm nghề này làm việc trong các xí nghiệp sản xuất, trong nhà máy, trong các ngành nông nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, trong các cơ quan văn hóa và các tổ chức khác.

Dĩ nhiên, trong các điều kiện kinh tế và kỹ thuật khác nhau, công nhân kỹ thuật điện có thể ngày càng phân hóa sâu về chuyên môn hoặc ngược lại, kiêm nhiệm nhiều chuyên môn gần gũi nhau.

2.2. Những đặc điểm cơ bản của nghề

- Đối tượng lao động:

Mạng điện và mạng điện chiếu sáng, máy điện công nghệ, thiết bị phân phối điện, trạm phân phối điện, trạm biến thế, máy điện một chiều và xoay chiều, máy biến áp, đèn và các thiết bị chiếu sáng, các dụng cụ đo điện, các kiểu role, cái cảm biến... Các thành phần của máy điện một chiều như stato, rôto, bàn chải điện, vành góp điện, các bộ phận của máy điện xoay chiều như stato, rôto, máy thông gió, ổ trục... Các bộ phận của dụng cụ điều khiển và bảo vệ như: bực, động cơ sang số, cuộn cảm, lõi...

Các vật liệu dẫn điện như: nhôm, đồng, thép; các vật liệu cấu tạo như chất dẻo, gỗ, gang, thép lá, thép bản, thép thanh, thép góc; các vật liệu cách điện lỏng và đặc, chất dẻo, chất đàn hồi; các vật liệu phụ như thạch cao mịn, xi măng, thuốc nhuộm, que hàn, các vật liệu từ như thép kỹ thuật điện...

- Mục đích lao động:

Nghề kỹ thuật điện là một dạng hoạt động mang tính chất kỹ thuật. Bằng bàn tay và khối óc của mình, từ những bộ phận và những linh kiện kỹ thuật điện muôn hình muôn vẻ, người thợ lắp ráp máy và thiết bị điện tạo ra các máy điện và động cơ điện. Còn những người thợ điện thì làm nhiệm vụ sửa chữa và

vận hành các máy điện. Trong các nhà máy, các công nhân kỹ thuật điện chế tạo ra các vật liệu điện như các vật liệu cách điện, dẫn điện, dẫn từ...

- Công cụ lao động:

Các dụng cụ nguội cầm tay và các máy móc, khoan điện, búa điện, máy hàn điện, các dụng cụ đo điện, dây, máy tán, êcu, giũa, bàn ren; các tài liệu kỹ thuật và tài liệu công nghệ: bản thiết kế máy điện, bản vẽ các thiết bị điện, bảng vẽ mạng điện lực và mạng điện chiếu sáng, sơ đồ về quy trình công nghệ các sản phẩm, sách báo, tạp chí về sản xuất, sửa chữa và vận hành máy điện...

- Điều kiện làm việc:

Nói chung, thợ điện và thợ lắp ráp các thiết bị điện thường làm việc trong nhà máy, phân xưởng, trong các xí nghiệp sản xuất. Công việc của họ có liên quan với rất nhiều nghề khác, đặc biệt là với nghề cơ khí, nghề hàn, nghề nguội...

2.3. Những yêu cầu của nghề

- Những yêu cầu về tri thức:

+ Tri thức văn hóa phổ thông: Ít nhất học hết chương trình phổ thông cơ sở, nếu có được trình độ phổ thông trung học thì càng tốt. Các nghề kỹ thuật điện đòi hỏi người thợ phải có kiến thức sâu về vật lý (điện, từ, dao động, sóng, chất bán dẫn), hóa học (liên kết phân tử, kim loại, các hợp chất cao phân tử, chất hữu cơ) và toán học (tương quan hàm số, đặc biệt là hàm số lượng giác, phép tính gần đúng, các phương pháp tính nhẩm...).

+ Tri thức kỹ thuật chung: Cơ sở về kỹ thuật, cơ khí, kỹ thuật điện.

+ Tri thức chuyên môn: Tri thức về quá trình công nghệ của sản xuất, về các thiết bị và về các công tác chuyên môn như lắp ráp, sửa chữa hoặc vận hành.

- Yêu cầu về kỹ năng và kỹ xảo: Ngoài tri thức, các nghề kỹ thuật điện đòi hỏi người thợ phải có những kỹ năng và kỹ xảo lao động chân tay, lao động trí óc và tổ chức lao động nhất định. Ví dụ: Lấy dấu, hàn, lắp ráp, sửa chữa và vận hành máy điện, sửa chữa và hiệu chỉnh các dụng cụ và đồng hồ đo điện, làm việc ở máy cuốn dây bằng tay, cách điện các cuộn cảm, xếp bi vào ổ bi, lắp rôto vào stato, điều chỉnh vị trí của rôto, kiểm tra chất lượng các chi tiết và vật liệu trong quá trình lắp ráp, kiểm tra quy trình công nghệ lắp ráp máy hoặc

cách điện các cuộn dây, kiểm tra dụng cụ hoặc đồ gá, đọc và lập các bản vẽ, bản thiết kế, các sơ đồ điện, tính các thông số về điện bằng phương pháp trực tiếp và gián tiếp, xác định nguyên nhân hỏng hóc của máy điện và các thiết bị điện bằng cách quan sát trực tiếp hoặc dùng dụng cụ kiểm tra, tham gia vào công tác phát minh, sáng chế và hợp lý hóa sản xuất.

2.4. Những chống chỉ định trong nghề

Những người mắc bệnh sau đây không được tham gia nghề kỹ thuật điện: lao phổi, hen phế quản, hẹp van tim, rối loạn sắc giác, thấp khớp nặng, viêm thận, điếc...

III. TƯ VẤN NGHỀ NGHIỆP

Tư vấn nghề nghiệp là một hệ thống những biện pháp tâm lý giáo dục học để phát hiện và đánh giá những năng lực về nhiều mặt của thanh niên, nhằm giúp học sinh chọn nghề có cơ sở vững chắc. Mục đích của tư vấn nghề nghiệp sẽ đạt được bằng cách nghiên cứu những năng lực của một cá nhân cụ thể.

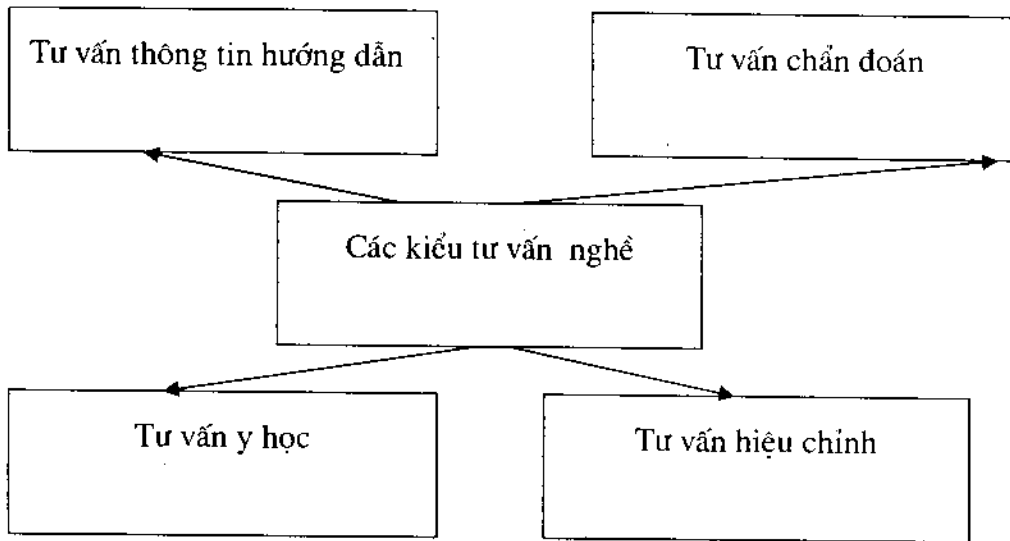
Mục đích của công tác tư vấn nghề là giúp thanh niên “tìm ra mình”, chú ý tới những nhân tố chủ quan và khách quan khi chọn nghề, tạo điều kiện cho họ phát huy cao độ sở trường đích thực của họ trong thời gian học nghề cũng như trong bước đường hoạt động nghề nghiệp tương lai.

Tư vấn nghề quan trọng phải phải phân đầu tạo ra được mối quan hệ tối ưu giữa con người với hoạt động của nghề đó. Làm được như vậy có nghĩa là hoạt động nghề nghiệp không những được tiến hành thuận lợi mà còn tạo cho con người sự thoả mãn, hài lòng và điều tối quan trọng là kích thích sự phát triển năng lực sáng tạo của con người.

Như vậy, tư vấn nghề xuất phát từ con người, căn cứ vào con người để đi đến nghề nghiệp, còn tuyển chọn nghề thì ngược lại - đi từ nghề hoặc nhóm nghề đến con người, nói cụ thể là xuất phát từ nghề để chọn người.

Người cán bộ tư vấn nghề, muốn làm được nhiệm vụ phức tạp trên, cần có khả năng giao tiếp với thanh niên, sử dụng những phương pháp khác nhau nhằm thu lượm những thông tin về cứ liệu cần thiết cho việc xây dựng hoặc hiệu chỉnh kế hoạch nghề nghiệp của họ.

Người ta chia ra 4 kiểu tư vấn sau đây:



Sơ đồ: Tư vấn nghề nghiệp

1. Tư vấn thông tin hướng dẫn

Tư vấn thông tin hướng dẫn nhằm giới thiệu với thanh niên nội dung nghề mà mình định chọn.

Ở đây, người cán bộ tư vấn sẽ giới thiệu về những yêu cầu do nghề đề ra với những phẩm chất cá nhân của con người, đồng thời chỉ ra con đường để đạt được nghề nghiệp và triển vọng nâng cao tay nghề.

2. Tư vấn chẩn đoán

Tư vấn chẩn đoán nhằm làm bộc lộ hứng thú, thiên hướng, năng lực và những phẩm chất nghề chuyên biệt của con người trên cơ sở nghiên cứu và thẩm định nhân cách con người một cách toàn diện. Mục đích của tư vấn chẩn đoán là xác định trong lĩnh vực hoạt động nào con người có thể lao động thành công nhất, tức là đem lại lợi ích tối đa cho xã hội, đồng thời đưa lại niềm vui và sự hài hoà cho bản thân người lao động.

3. Tư vấn y học

Tư vấn y học nhằm bộc lộ sự phù hợp giữa trạng thái sức khỏe của con người với yêu cầu của nghề mà con người lựa chọn. Nếu như con người mắc một trong những chứng bệnh thuộc loại chống chỉ định của nghề thì người cán bộ tư vấn sẽ khuyên nên chọn một nghề khác gần gũi với thiên hướng và hứng thú, đồng thời phù hợp với trạng thái sức khỏe của người đó. Chẳng hạn những người rối loạn sắc giác thì không được chọn những ngành nghề giao thông vận tải, thông tin tín hiệu.

4. Tư vấn hiệu chỉnh

Tư vấn hiệu chỉnh được tiến hành trong trường hợp ý định nghề nghiệp của con người không phù hợp với khả năng và năng lực thực tế của họ. Trong trường hợp này, kế hoạch nghề nghiệp của cá nhân cần được xem xét, uốn nắn lại cho phù hợp với tình hình. Ví dụ, trên cơ sở những dữ liệu thu được về nhân cách con người, cán bộ tư vấn sẽ khuyên thanh niên nên chọn một nghề khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của mình.

Ngoài ra, các nhà khoa học tâm lý nghề nghiệp còn có phương pháp phỏng vấn trực tiếp thanh thiếu niên khi chọn nghề. Từ đó xác định việc chọn nghề của học sinh có tính khả thi và có phù hợp với thực tiễn không. Đó là cơ sở để đưa ra lời khuyên chân thành đối với họ. Các nhà khoa học tâm lý thường đưa ra ba câu hỏi sau đây:

- *Bạn thích nghề gì?*

- Câu này nên trả lời trước tiên. Muốn làm nghề đó trước hết là bản thân bạn có thích nó hay không, tức là ta có thực sự hứng thú với nó hay không. Nếu không thích thì không nên chọn. Đó là nguyên tắc. Chúng ta không thể thay đổi nghề "dễ như thay đổi cái áo" được. Nếu may một cái áo không vừa ý, ta có thể bỏ đi, chờ dịp có tiền để may cái áo khác. Còn không thích nghề mà lại chọn nó thì không thể ngồi nhà, bỏ bê công việc của mình cho cơ quan, cho đồng nghiệp được. Hơn nữa, ta không dễ gì đến với nghề khác theo sở thích của bản thân mình ngay sau khi ta chán cái nghề đã chọn.

Chỉ khi nào ta thích nghề của mình thì cuộc sống riêng mới thanh thoát. Chúng ta mới gắn bó với công việc, với bạn đồng nghiệp, với nơi làm việc.

- *Bạn làm được nghề gì?*

Để trả lời câu hỏi này, bạn phải tự kiểm tra năng lực của mình. Và nghề là mang tài năng ra phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Vì thế, năng suất lao động cao hay không là do năng lực của chúng ta đạt trình độ nào.

Các bạn nên nhớ rằng, có những nghề bạn thích nhưng lại không làm được (do thiếu năng lực tương ứng). Song cũng có nghề bạn làm được nhưng lại không thích nó. Vì thế, sau khi câu hỏi thứ hai được giải đáp ta lại phải đổi chiều xem nó có thống nhất với câu hỏi thứ nhất hay không.

• *Bạn cần làm nghề gì?*

Có những nghề được bạn thích, các bạn lại có năng lực đối với chúng, song những nghề đó lại không nằm trong kế hoạch phát triển thì cũng không thể chọn được. Vì vậy, để trả lời câu hỏi này, cần phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất của địa phương, kế hoạch phát triển ngành nghề ở địa bàn, thị trường lao động, kế hoạch tuyển sinh của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Cần biết định hướng vào những nghề cần và có điều kiện phát triển, điều chỉnh hứng thú vào những nghề đó và tự rèn luyện để có năng lực đối với chúng.

Ba câu hỏi trên cần được mỗi người giải đáp trong sự cân nhắc đồng thời. Như vậy, việc chọn nghề sẽ vừa đáp ứng được yêu cầu nhân lực của xã hội, vừa đảm bảo mức độ phù hợp đối với hứng thú, sở thích, sở trường và năng lực của từng cá nhân.

Việc tư vấn nghề đối với các yêu cầu khoa học trên chúng ta còn phải xét đến đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân giúp công tác hướng nghiệp cho thanh niên được chuẩn xác.

Thể hiện sự giúp đỡ thực tiễn trong việc chọn nghề bằng cách theo dõi thiên hướng, những đề nghị cụ thể tương ứng, dựa trên so sánh kết quả và các thông tin về phía nghề nghiệp. Về phương diện này, có thể thấy được một hệ thống tác động đặc biệt của ngành sư phạm hướng tới tính tích cực của con người, trong quá trình hình thành và hoàn thiện các phẩm chất tinh thần và thể lực nhằm đạt được thành tích trong hoạt động nghề nghiệp nào đó.

Hướng này thường được tiến hành tại các trường phổ thông nhất là đối với học sinh trung học phổ thông. Người ta thường sử dụng một sơ đồ chung để trao đổi với học sinh nhằm phát hiện những yếu tố do yêu cầu đặt ra. Đặc biệt, người ta hay chú ý tới các đặc điểm phát triển của học sinh như sau:

- Chất lượng tâm lý vận động.
- Đặc tính tri giác.
- Đặc tính trí nhớ.
- Chất lượng tư duy.

- Đặc tính của tưởng tượng.
- Chất lượng chú ý.
- Khả năng chuyên môn.
- Thói quen và hành vi lao động học tập.
- Tính cách và bền vững của hứng thú.
- Các nét của khí chất.
- Đặc tính cơ bản của xúc cảm.
- Các nét của ý chí và tính cách.

Tư vấn và hướng nghiệp là một quá trình được tiến hành có hệ thống, có tổ chức trong một thời gian dài. Cũng nhờ một phần ở quá trình này mà lịch sử đã có được những thiên tài kiệt xuất, đưa lại cho nhân loại những giá trị kinh tế văn hoá khoa học kỹ thuật to lớn.

5. Chọn nghề

Chọn nghề là đưa con người vào học hoặc hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó một cách có cơ sở khoa học. Việc chọn nghề chủ yếu nhằm vào người lớn. Thực chất của việc chọn nghề là chọn người đạt những tiêu chuẩn quy định cho một nghề nào đó. Tuy nhiên, chọn nghề còn được sử dụng với mục đích rộng rãi hơn. Trong những trường hợp tai nạn và sự cố, hoặc những việc đáng tiếc xảy ra mà có liên quan tới các vấn đề tâm sinh lý lao động, thì các biện pháp của chọn nghề được sử dụng làm phương tiện giám định và tái giám định. Các nhà tâm sinh lý chọn nghề lúc đó đóng vai trò của một nhân chứng về phương diện tâm sinh lý học. Chức năng chủ yếu của chọn nghề là chẩn đoán tức là nghiên cứu tâm sinh lý thí sinh trong việc nắm vững nghề này, mức phát triển những phẩm chất quan trọng ở họ đối với thành tích và đánh giá khả năng hoàn thành, các yếu tố của toàn bộ hoạt động trong các điều kiện khác.

Việc chẩn đoán tâm sinh lý thành tích học tập và hoạt động sau này trên cơ sở so sánh các thông tin về yêu cầu của nghề nghiệp với con người và những tài liệu thu được của chẩn đoán tâm lý. Cần chú ý tới việc đánh giá các đặc điểm cá nhân về khả năng hoàn thiện theo hướng bù trừ những phẩm chất có giá trị về mặt nghề nghiệp (có tính thời gian tiến hành học tập), xác suất đáp ứng đối với nghề nghiệp và khả năng xuất hiện những tác động bất ngờ.

Việc giám định lao động được tiến hành ngay khi thấy xuất hiện lệch lạc trong quá trình phát triển các trạng thái thể lực và tinh thần. Thực chất của việc

giám định lao động là đánh giá năng khiếu nghề nghiệp đối với những người đang hành nghề. Việc giám định ấy còn được thực hiện khi chuyển công nhân từ nghề này sang nghề khác hoặc thực hiện một số chế độ chính sách để bảo vệ sức khoẻ.

Một vấn đề đặt ra là việc tiến hành chọn nghề cần phải phụ thuộc thị trường lao động trong nền kinh tế quốc dân. Đây là vấn đề vừa mang tính chất lý thuyết và thực tiễn sâu sắc, xuất phát từ quan điểm con người có khả năng khác nhau và có giới hạn nhất định về một chức năng nào đó là có thật. Tuy nhiên, những khiếm khuyết nào đó ở mức độ nhất định đều có thể bù trừ bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau. Vì thế, nghề nào cũng cần phải tiến hành chọn nghề cả thì sẽ không hợp lý. Không hợp lý còn thể hiện ở chỗ cơ sở lý thuyết về mặt khoa học chưa được xây dựng đầy đủ. Mặt khác, về khía cạnh kinh tế, vấn đề này cho thấy có sự bất cập giữa chi phí và hiệu quả. Một điểm bất cập nữa là số cán bộ làm công tác chọn nghề sẽ rất lớn làm, tăng thêm một số người không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

Có tác giả đưa ra một kiểu phân loại lao động dựa trên các yếu tố gây tình huống khủng hoảng và đã phân thành 4 loại. Loại một là loại có yêu cầu tâm lý và sinh lý cao nhất đối với con người như du hành vũ trụ, lái máy bay, điều khiển các trung tâm điều khiển tự động. Loại hai thể hiện yêu cầu cao của nghề nghiệp đối với con người như lái tàu, lái ô tô, điều khiển các trung tâm điều hành giao thông... Còn loại nghề thứ ba và bốn là lao động cơ khí và phổ thông. Theo cách phân loại này, đối với các nghề nghiệp loại một và hai phải tiến hành chọn nghề. Một tác giả khác đưa ra 5 yêu cầu cần thiết phải tiến hành chọn nghề. Theo tác giả này thì việc tiến hành chọn nghề phụ thuộc vào giới hạn thời gian dành cho việc học tập và thích ứng với hoạt động; vào số lượng đủ thí sinh đối với nghề cần chọn; vào mức độ yêu cầu về độ tin cậy và chính xác của công việc; vào xác suất sự cố và tai nạn; và vào giá trị của việc học tập. Ngày nay, người ta thường tiến hành chọn nghề với một số lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao (hoạt động này đòi hỏi trước hết là sự phối hợp vận động ở mức độ rất cao); một số hoạt động trong ngành văn hoá nghệ thuật đòi hỏi mức cao của các hoạt động thuộc cơ quan cảm nhận như tai, mắt...); trong lao động sản xuất như điều khiển tự động, chịu đựng hoàn cảnh môi trường khắc nghiệt, một số nghề trong giao thông vận tải (lái máy bay, lái ô tô...).

Để tiến hành công việc chọn nghề tốt, người ta thường chia làm 3 giai đoạn:

• **Giai đoạn đầu tiên:**

Nghiên cứu các nghề nhằm phản ánh những yêu cầu tâm sinh lý đối với người lao động. Trong công việc này, cần phải phát hiện cấu trúc bên trong của hoạt động, lập cho được các quá trình tâm lý và tâm sinh lý nghề nghiệp do tính chất hoạt động đòi hỏi. Xây dựng một bức tranh đầy đủ về mối quan hệ tương hỗ cũng như sự bổ sung lẫn nhau của các quá trình kể trên. Công việc này được thực hiện nhờ phương pháp làm chuyên khảo nghề nghiệp và đặc biệt là chuyên khảo nghề nghiệp về phương diện tâm sinh lý, xây dựng quan niệm cụ thể về năng khiếu của loại nghề định chọn, những tiêu chuẩn cụ thể cần phải chọn, đồng thời xây dựng phương pháp luận cũng như phương pháp tiến hành chọn. Sau khi đã có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, cũng như khi đã chọn được tiêu chuẩn và phương pháp thì chuyển sang giai đoạn hai.

• **Giai đoạn thứ hai:**

Đây là giai đoạn thực hiện chủ chốt, được tiến hành theo hai bước:

- Bước đầu là chọn nghề theo các chỉ tiêu y học (tiêu chuẩn sức khoẻ – khám tuyển định kỳ). Trong số những tiêu chuẩn y học, cần chú ý đặc biệt tới các chỉ tiêu chống chỉ định. Vì chúng làm giảm độ tin cậy trong công việc và phát triển các bệnh tật có liên quan tới hoạt động nghề nghiệp. Chống chỉ định có liên quan tới sức khoẻ tinh thần, trạng thái hệ thần kinh, các thống phân tích quan chính (mắt, tai), trạng thái hệ tim mạch và hô hấp, trạng thái hệ thống cơ - tựa - vận động, các cơ quan thăng bằng, chức năng ngôn ngữ... Ở một số nghề có yêu cầu đặc biệt đối với cảm giác da (xúc giác), thị lực, cảm giác màu, các chức phận cảm giác áp lực và nhiều chỉ tiêu y học khác. Trong một số trường hợp khác lại phải chú ý cả tới các chỉ tiêu nhân trắc và rèn luyện thể lực. Ví như đối với lái xe thì các chỉ tiêu yêu cầu về thần kinh tâm lý là quan trọng, còn đối với giáo viên thì chức năng ngôn ngữ và hệ thống hô hấp lại được chú ý tới nhiều. Một bản danh sách đặc biệt chống chỉ định y học đối với hàng loạt nghề cho thiếu niên đã được thiết lập. Đương nhiên những người không đạt các tiêu chuẩn y học thì được coi là không có năng khiếu nghề nghiệp.

- Bước thứ hai là tiến hành chọn lựa về phương diện tâm sinh lý. Trong bước này vấn đề quan trọng là xác định được những phương pháp cần thiết và thích hợp cho việc chọn nghề. Chất lượng quan trọng nhất của phương pháp áp dụng trong chọn nghề là tính thông tin, tính đáp ứng và giá trị chuẩn đoán. Tính thông tin của phương pháp là khả năng cung cấp những thông tin đầy đủ nhất về trạng thái của chức năng cần nghiên cứu. Tính đáp ứng của phương pháp là sự tương ứng của những tài liệu thu được bằng phương pháp này với những tài liệu thu được khi nghiên cứu chức năng trong điều kiện thực tế. Còn tính giá trị chuẩn đoán là khả năng tạo điều kiện phát hiện một cách đầy đủ những thuộc tính, phẩm chất tâm lý nào đó sẽ có trong hoạt động thực tế. Để đạt được một cách tuyệt đối những chất lượng kể trên trong điều kiện thực tế rất khó khăn, vì thế, kết quả của việc chọn nghề mang tính chất thống kê rõ rệt.

Nghiên cứu tâm lý thường được tiến hành một cách phối hợp và bao gồm 4 phương pháp nghiên cứu cơ bản: tọa đàm, tự đánh giá, quan sát và phương pháp dùng thử nghiệm đặc biệt. Trong công tác chọn nghề, phương pháp tự đánh giá, tự quan sát, tự kiểm tra thường không có ý nghĩa độc lập mà nó lẫn vào các phương pháp khác. Vì thế, ở đây chỉ đi sâu vào 3 phương pháp tọa đàm, quan sát và thử nghiệm.

* Phương pháp tọa đàm: Tọa đàm có thể tiến hành bằng 2 cách: Trả lời tự do hoặc là trả lời câu hỏi của phiếu. (Tọa đàm tự do và tọa đàm rút gọn).

+ Phương pháp tọa đàm tự do: Kết quả của phương pháp này phụ thuộc rất nhiều vào chiến lược, khả năng của người làm thí nghiệm. Tuy nói là tự do nhưng cũng phải có một sơ đồ nhất định để làm sáng tỏ được mục đích đặt ra. Có thể vừa ghi chép những thông tin quan trọng, vừa tiến hành tọa đàm và sửa đổi sơ đồ một cách sáng tạo. Phải căn cứ cả thái độ đáp ứng câu hỏi phát hiện được nguyên nhân và xem xét nó liên quan tới đặc tính cá nhân như thế nào. Sơ đồ kiểu tọa đàm là các tài liệu phiếu điều tra, tiền sử, cha mẹ, thành phần và hoàn cảnh vật chất của gia đình, đặc điểm trong thời kỳ học (hứng thú, sức khỏe, thành tích, kỷ luật); đặc điểm hoạt động lao động thích thú với công việc, nhịp độ, mệt mỏi, khuyến khích, phạt, tần số ca, vị trí lao động); chất lượng nào được rèn luyện trong quá trình lao động; loại hình thái lao động, hình thái và đối tượng luyện tập tiếp xúc với bạn kèm.

Khuynh hướng cá nhân: Khuynh hướng và lối cuốn thời gian biểu hiện (thể thao, kịch, phim, nhạc, nghệ thuật tạo hình, toán, lịch sử...). Mục đích tương lai là gì? Tham gia hoạt động xã hội gì, làm gì ngoài giờ làm việc?

Đặc tính đặc trưng: Hành vi, cử chỉ trong tình huống nguy hiểm và căng thẳng; đặc tính xúc cảm, thời gian xuất hiện mệt mỏi trong quá trình lao động, tổ chức hệ thống tri giác, tính cần thiết đối với công việc có hiệu quả của các điều kiện đặc biệt, nhịp độ công việc nhanh hay chậm, cảm giác khi làm việc...

Đặc tính của trí nhớ và tư duy.

+ Phương pháp tọa đàm rút gọn: Bằng cách trả lời theo mẫu và theo thang phân chia mức độ.

* Phương pháp quan sát theo dõi thường có hai dạng thực hiện: Phương pháp quan sát thụ động và phương pháp quan sát tích cực.

+ Phương pháp quan sát được gọi là thụ động vì người làm thí nghiệm tiến hành quan sát theo dõi đối tượng trong các tình huống tự nhiên. Ngay từ lúc bước vào phòng, đối tượng đã được theo dõi và chú ý tới các chi tiết như: dừng cảm, không dứt khoát, biểu hiện thừa, gò bó hay tự do, chú ý biểu hiện nét mặt, màu da các phần hở, tư thế ngồi trên ghế, vị trí của tay, chuyển động của tay, thái độ đối với hoàn cảnh mới lạ, nhìn các vật xung quanh hay tập trung nhìn người làm thực nghiệm... Trong khi trao đổi tọa đàm chú ý tới cách trả lời dễ dàng hay khó khăn, có phải lặp lại câu hỏi không, trả lời có rõ ràng rành mạch đầy đủ không, chú ý cả tác phong và câu cú trong lúc trả lời. Có các biểu hiện của trạng thái phản ứng dinh dưỡng không...

+ Phương pháp quan sát tích cực còn được gọi là “thực nghiệm tự nhiên” hay thử nghiệm tình huống”. Nội dung của phương pháp này là tổ chức tình huống để đối tượng thực hiện xử trí theo chỉ thị của người làm thí nghiệm. Trong quá trình thực hiện ấy, người làm thí nghiệm quan sát theo dõi đối tượng. Thực nghiệm tự nhiên có thể đóng vai trò to lớn trong việc đánh giá phẩm chất xúc cảm ý chí và động cơ. Để đánh giá cá nhân về mặt tâm lý có thể sử dụng cả các tài liệu quan sát về hành vi cử chỉ của đối tượng do những người lãnh đạo đảng, chính quyền, công đoàn thanh niên và bạn bè cung cấp. Tổ chức thực nghiệm tự nhiên có hiệu quả hơn là dùng mô hình gân đúng hoặc trong hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp.

* Phương pháp thứ ba là phương pháp sử dụng các loại thử nghiệm. Có rất nhiều loại thử nghiệm đơn giản, phức tạp, có loại bằng máy móc tính vi hiện đại. Tuy nhiên, các loại thử nghiệm dù thực hiện bằng cách nào đi nữa cũng phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Giá trị dự đoán của thử nghiệm là ở chỗ kết quả của nghiên cứu thể hiện trong quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp. Giá trị dự đoán của thử nghiệm được đo bằng hệ số tương quan của kết quả của nó với những tiêu chuẩn bên ngoài. Hệ số này đạt 0,3 - 0,4 đã được coi là rất tốt, và chứng tỏ thử nghiệm đã được chọn tốt. Nếu như hệ số vượt quá 0,5 thì cần phải kiểm tra lại cách tính toán cũng như cách hướng dẫn tiến hành của người làm thí nghiệm. Qua việc nghiên cứu trên hàng triệu thí sinh phi công theo thử nghiệm mô hình hoá hoạt động của người phi công, các nhà tâm lý Mỹ, Canada, Anh và Pháp đã tìm được hệ số tương quan chỉ bằng 0,5.

+ Độ tin cậy của thử nghiệm quyết định bởi tính bền vững của kết quả khi chính đối tượng tiến hành hai lần. Độ tin cậy được đo bằng hệ số tương quan giữa hàng loạt kết quả đo lần thứ nhất và lặp lại lần thứ hai trong cùng điều kiện. Hệ số này tối thiểu phải đạt được 0,7.

+ Tính chất khoa học của thử nghiệm thể hiện trên cơ sở áp dụng nó một cách khoa học phản ánh được bản chất yêu cầu tâm sinh lý của nghề nghiệp.

+ Tính phân biệt và đáp ứng của thử nghiệm. Khuynh hướng của nó đánh giá chất lượng hoặc nhóm phẩm chất nhất định. Nó được xác định bằng cách tính hệ số tương quan với các chỉ tiêu của thử nghiệm hướng tới đánh giá các phẩm chất khác.

+ Tính khách quan và độ tin cậy của thử nghiệm đạt được bằng cách tiêu chuẩn hoá điều kiện nghiên cứu và loại trừ ảnh hưởng xung quanh. Cần loại trừ ý kiến chủ quan của người nghiên cứu và động cơ của người được nghiên cứu. Thử nghiệm cần được giải thích rõ ràng cách làm chứ không được chuẩn bị trước, phải có chỉ tiêu khách quan, được đo bằng phép đo số lượng, kết hợp với việc đánh giá hành vi cử chỉ.

+ Tính bền vững đối với ảnh hưởng của các nguyên nhân ngẫu nhiên, có chỉ thị rõ ràng, tránh các yếu tố làm méo mó thông tin. Có nghĩa là không tạo điều kiện để thực hiện thử nghiệm một cách dễ dàng hơn.

+ Khả năng đánh giá biến động của các chỉ tiêu: Trong các thử nghiệm mà chúng được xác định bằng sự luyện tập cao, phân tích biến động các thử nghiệm ấy thường là những thông tin quan trọng về đối tượng hơn là kết quả tất nhiên của hoạt động với thử nghiệm.

+ Có các tiêu chuẩn bên ngoài có hiệu quả mà không phụ thuộc vào thử nghiệm.

+ Tính thực tiễn: Việc thực hiện không quá tốn kém, ít người mà có thể thực hiện trên số đông.

Việc tính kết quả của các thử nghiệm thường sử dụng công thức tổng quát:

$$Q = \frac{A - (b + c)}{At}$$

Ghi chú:

Q: Là hệ số của thử nghiệm;

A: Là tổng số nhiệm vụ phải thực hiện;

b: Là số nhiệm vụ thực hiện nhưng sai;

c: Số nhiệm vụ bỏ sót hay không thực hiện;

t: Tổng thời gian thực hiện các nhiệm vụ;

Ở giai đoạn chọn lựa tâm sinh lý này, người ta tiến hành phân tích kết quả để đi đến kết luận bằng 3 phương pháp: Phân tích, tổng hợp và phối hợp.

Kết quả được xếp theo 3 tiêu chuẩn năng khiếu:

+ Thuận lợi không có điều kiện

+ Thuận lợi có điều kiện

+ Không thuận lợi

Khi gặp trường hợp không thuận lợi thì phải tiến hành phân tích kỹ càng và kiểm tra lại một lần nữa.

• Giai đoạn thứ ba:

Theo dõi thí sinh trong hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp. Giai đoạn này tương đối phức tạp và kéo dài. Để làm tốt công việc này cần phải có hệ thống tổ chức quản lý hồ sơ tài liệu và phải quản lý thí sinh, có lịch định kỳ giám định...

IV. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH PHÙ HỢP NGHỀ

1. Khái niệm phù hợp nghề (về mặt tâm - sinh lý)

Nói một cách đầy đủ, phù hợp nghề (về mặt tâm - sinh lý) là nguyên tắc tương quan giữa hoạt động nghề nghiệp và đặc điểm nhân cách. Nguyên tắc này đòi hỏi khi nghiên cứu phù hợp nghề, thiết kế các công cụ trắc đặc, phân tích kết quả phải thấy mối tương quan, biện chứng giữa những yêu cầu khách quan của hoạt động nghề nghiệp và điều kiện chủ quan của chủ thể hoạt động đối với nghề đó.

2. Nguyên tắc

- Nguyên tắc cơ bản và tối thiểu: Xác định những đặc điểm (yêu cầu) tâm sinh lý cơ bản nhất và cần thiết nhất để đưa ra trắc đặc (Không liệt kê tối đa và trắc đặc tràn lan).

- Nguyên tắc tính khách quan: Công cụ cũng như cách tiến hành phải thể hiện tính khách quan. Kết quả trắc đặc phải được lượng hoá để có thể tính toán, so sánh một cách khách quan.

- Nguyên tắc tính phù hợp và khả thi: Bộ công cụ phải sát hợp với tính đặc thù của mỗi ngành nghề và điều kiện thực tế để có thể áp dụng dễ dàng (đối với các giáo viên ở cơ sở sau khi được tập huấn, hướng dẫn có thể áp dụng được).

Trên cơ sở lý luận chung và nguyên tắc chung, các cán bộ nghiên cứu đã vận dụng vào từng nghề cụ thể để xác định những yêu cầu tâm lý phù hợp nghề và phương pháp xác định chúng.

3. Quy trình xác định đặc điểm tâm lý phù hợp nghề và lựa chọn phương pháp trắc đặc

Quy trình xác định đặc điểm tâm lý phù hợp nghề và lựa chọn phương pháp trắc đặc được tiến hành như sau:

- + Nghiên cứu mô tả nghề đó trên lý thuyết.
- + Quan sát, phân tích hoạt động nghề nghiệp thực tế tại nơi làm việc.
- + Xác định những yêu cầu tâm lý phù hợp nghề (tối đa).
- + Lấy ý kiến chuyên gia để lựa chọn những yêu cầu tâm lý và cơ bản, (tối thiểu) cần thiết, phù hợp nghề.

- + Sưu tập, lựa chọn, xây dựng, thử nghiệm các anket và test để trắc đặc.
- + Trắc đặc các học sinh đang học nghề - để xét tương quan giữa đặc điểm phù hợp nghề và kết quả học tập thực tế, nhằm xác định độ tin cậy của các chỉ số và bộ công cụ.
- + Trắc đặc ở học sinh phổ thông, đối tượng đầu vào của học nghề.
- + Chính thức hoá bộ công cụ và hướng dẫn áp dụng (cho các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề quận huyện và các trường nghề kể cả đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề).

Chương 3

MỘT SỐ YÊU CẦU TÂM LÝ PHÙ HỢP NGHỀ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRẮC ĐẠC NGHỀ (Ở 6 nghề)

I. NHỮNG YÊU CẦU TÂM LÝ PHÙ HỢP NGHỀ

Theo quy trình đã mô tả ở chương 2, các cán bộ nghiên cứu đã triển khai ở từng nghề cụ thể như sau:

1. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề y

- Có khuynh hướng đối với nghề y.
- Tinh thần trách nhiệm cao.
- Có tính kiên nhẫn, tự chủ.
- Có lòng nhân hậu, đồng cảm.
- Khả năng chú ý (độ ổn định chú ý) tốt.
- Khả năng trí nhớ tốt.
- Xử lý nhanh nhạy (tư duy logic linh hoạt).
- Có kỹ năng giao tiếp.

2. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề giáo viên mầm non

- Hứng thú với nghề sư phạm (giáo dục).
- Lòng yêu thương gần gũi trẻ em.
- Cởi mở, vị tha, nhân hậu.
- Có tính tự chủ và tự kiểm chế (sạch sẽ, ngăn nắp).
- Có tinh thần trách nhiệm.
- Có khả năng giao tiếp tốt.
- Khả năng tưởng tượng tốt.
- Khả năng chú ý, quan sát tốt.

- Có khả năng sư phạm chuyên biệt (múa, hát, kể chuyện).
- Có khả năng tổ chức.
- Có năng lực nhận thức.

3. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề giáo viên tiểu học

- Có xu hướng với nghề dạy học (yêu nghề, yêu trẻ).
- Nhu cầu giao tiếp, tính cởi mở.
- Tính tự chủ nhẫn nại.
- Tinh thần trách nhiệm.
- Khả năng quan sát.
- Khả năng phân phối chú ý.
- Khả năng tưởng tượng.
- Trí nhớ tốt.
- Khả năng ngôn ngữ.
- Khả năng hát.
- Khả năng giao tiếp.

4. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề bán hàng

- Có thái độ cởi mở giao tiếp.
- Có khả năng kiềm chế.
- Có khả năng quan sát, phân phối chú ý tốt.
- Trí nhớ tốt.
- Nhạy cảm, có khả năng phán đoán tâm lý khách hàng để ứng xử.
- Có tính trung thực, coi trọng chữ tín.
- Có óc thẩm mỹ thương nghiệp.

5. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề lái xe

- Cảm giác mắt nhạy bén (thị giác tốt).
- Khả năng ước lượng khoảng cách tốt.
- Thính giác tốt.
- Phản ứng vận động chân tay nhanh tốt.
- Khả năng phân phối chú ý tốt.
- Khả năng di chuyển chú ý nhanh.

- Khả năng phân tích, tổng hợp trực quan tốt.
- Tính cẩn thận, tự giác, kỉ luật nghề nghiệp.
- Lòng yêu nghề.

6. Những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp với nghề khám trai truyền thống

- Khả năng phân tích tổng hợp trực quan.
- Độ nhạy cảm của mắt cao.
- Khả năng hình họa.
- Khả năng tập trung chú ý.
- Óc thẩm mỹ nghệ thuật.
- Tính kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận.
- Lòng yêu nghề.
- Độ khéo léo của đôi tay.
- Khả năng quan sát.

II. PHƯƠNG PHÁP TRẮC ĐẶC PHÙ HỢP NGHỀ

Sau một thời gian nghiên cứu, phó giáo sư tiến sĩ Mạc Văn Trang đã xây dựng đề tài B9 1- 38 - 06 đã nghiên cứu phương pháp trắc đặc phù hợp nghề với một số nghề đã nêu trên. Sau đây, chúng tôi đưa ra 6 phương pháp trắc đặc của 6 nghề trên để các giáo viên tham khảo, từ đó có thể tự xây dựng các trắc đặc cho phù hợp với nghề của trường mình.

1. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề y

- Tìm hiểu hứng thú, khuynh hướng nghề bằng trắc nghiệm của E.A.Climôp.
- Xác định tinh thần trách nhiệm bằng trắc nghiệm tự đánh giá lo âu của T.D.Suilbenghen.
- Xác định lòng nhân hậu, sự đồng cảm, khả năng giao tiếp, trắc nghiệm khả năng giao tiếp.
- Xác định tính kiên trì, tự chủ bằng trắc nghiệm độ ổn định thần kinh của M.A. Zemiôp và V.A. Mironop.
- Xác định khả năng tập trung, phân phối chú ý bằng trắc nghiệm bảng chữ cái của B. Buordon.
- Xác định khả năng trí nhớ bằng trắc nghiệm đo lường trí nhớ từ tạp chí Marie France số 7/1992.

- Xác định tư duy logic, linh hoạt bằng trắc nghiệm của M.A. Zemiôp và V.A. Mironop.

2. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề giáo viên mầm non

- Xác định xu hướng, hứng thú với nghề sư phạm bằng trắc nghiệm của A.E. Golomatôc.

- Xác định những yếu tố tình cảm yêu nghề dạy học bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.

- Xác định tính cởi mở giao tiếp của cá nhân bằng trắc nghiệm do Nguyễn Thạc và Hoàng Anh cải tiến.

- Xác định tính tự chủ, tự kiểm chế bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.

- Xác định tinh thần trách nhiệm của cá nhân bằng trắc nghiệm của T.D. Suilbenghen.

- Xác định khả năng ngôn ngữ nói (đọc, kể...) và khả năng chú ý ghi nhớ bằng trắc nghiệm “Đọc câu chuyện và tự kể lại” (tự xây dựng).

- Xác định khả năng ngôn ngữ viết, khả năng quan sát, tưởng tượng của cá nhân bằng trắc nghiệm “Xem tranh viết thành câu chuyện” (tự xây dựng).

- Xác định giọng hát, khả năng truyền cảm, khả năng tiếp thu âm nhạc của cá nhân (tự xây dựng).

3 . Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề giáo viên tiểu học

- Xác định xu hướng nghề dạy học bằng trắc nghiệm của A.I. Cômátôc- Nguyễn Mai Hà cải biên.

- Xác định nhu cầu, tính cởi mở, khả năng giao tiếp theo trắc nghiệm của Nguyễn Thạc và Hoàng Anh (ĐHSP Hà Nội).

- Xác định tính tự chủ, nhẫn nại bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.

- Xác định tinh thần trách nhiệm bằng trắc nghiệm của T.D. Suilbenghen.

- Xác định khả năng quan sát bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.

- Xác định khả năng phân phối chú ý bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.

- Xác định khả năng trí nhớ và ngôn ngữ nói bằng trắc nghiệm của A.Y. Serbacop, (Nguyễn Mai Hà cải biên).

- Xác định khả năng ngôn ngữ viết và tưởng tượng bằng trắc nghiệm do Nguyễn Mai Hà biên soạn.

- Xác định hát bằng trắc nghiệm của trường Cao đẳng sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo TW, Nguyễn Mai Hà cải biên.

4. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề bán hàng

- Xác định thái độ cởi mở giao tiếp bằng trắc nghiệm của Aysencer.
- Xác định khả năng tự kiểm chế bằng trắc nghiệm của N.N. Cudmina.
- Xác định khả năng quan sát, phân phối chú ý và trí nhớ hình ảnh, sự vật bằng trắc nghiệm tổng hợp (tự xây dựng).
- Xác định sự nhạy cảm phán đoán tâm lý và khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp bằng trắc nghiệm trong “Bài tập thực hành tâm lý học” của Trần Trọng Thủy, Nhà xuất bản Giáo dục, 11.1990.
- Xác định óc phân tích thẩm mỹ bằng trắc nghiệm lấy trong cuốn “Giúp bạn chọn nghề” của Phạm Tất Dong, Nhà xuất bản Giáo dục 1989.

5. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề lái xe

- Xác định khả năng ước lượng bằng mắt bằng 1 công cụ đo khả năng ước lượng chính xác tiến hành với từng cá nhân.
- Xác định khả năng tập trung và phân phối chú ý bằng trắc nghiệm hiệu đính bằng chữ cái của B. Buordon.
- Xác định khả năng di chuyển chú ý bằng số đỏ, đen của I.H. Schultz.
- Xác định khả năng phân tích, tổng hợp trực quan bằng trắc nghiệm giải bộ bài tập trên hình vẽ.
- Xác định những yếu tố của hứng thú, tình cảm đối với nghề lái xe (bằng trắc nghiệm tự xây dựng).

6. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề khảm trai truyền thống

- Xác định khả năng phân tích, tổng hợp trực quan bằng trắc nghiệm giải bộ bài tập hình vẽ.
- Xác định khả năng tập trung và phân phối chú ý bằng trắc nghiệm hiệu đính bằng chữ cái của B. Buordon.
- Xác định khả năng hình họa bằng trắc nghiệm vẽ trang trí một hình vuông với các họa tiết và màu sắc quy định (tự xây dựng).
- Xác định tính kiên trì, nhẫn nại (bằng trắc nghiệm tự xây dựng).
- Xác định tính xu hướng nghề nghiệp (bằng trắc nghiệm tự xây dựng).

III. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH TỰ TRẮC NGHIỆM, CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI

Trong từng nghề trên có bản hướng dẫn tiến hành từng trắc nghiệm, cách cho điểm, tính điểm từng trắc nghiệm cụ thể và bản đánh giá tổng hợp đối với mỗi cá nhân đã làm trắc nghiệm.

Trên cơ sở đó có thể kết luận mức độ phù hợp nghề:

- Rất phù hợp;
- Phù hợp;
- Ít phù hợp;
- Không phù hợp;

Các hướng dẫn trắc nghiệm này đã đưa cho giáo viên ở cơ sở tiến hành và thấy có thể áp dụng được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

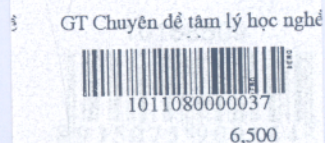
1. Mạc Văn Trang - *Chuyên đề Nghiên cứu trắc đặc tâm lý phù hợp nghề*.
2. Trần Trọng Thủy - *Tâm lý học lao động* - Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 1995.
3. Phạm Huy Thụ - *Tài liệu tập huấn tư vấn nghề* - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1994.
4. *Tâm sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi* - Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 2001.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Lời nói đầu</i>	
<i>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</i>	7
I. Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa môn học	7
II. Sơ đồ lịch sử tâm lý học nghề nghiệp.....	13
<i>Chương 2. CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHỌN NGHỀ CHO THANH NIÊN</i>	16
I. Khái niệm chung công tác hướng nghiệp và chọn nghề	16
II. Một số quan niệm của thanh niên khi chọn nghề.....	20
III. Tư vấn nghề nghiệp.....	28
IV. Một số nguyên tắc xác định phù hợp nghề	39
<i>Chương 3. MỘT SỐ YÊU CẦU TÂM LÝ PHÙ HỢP NGHỀ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRẮC ĐẠC NGHỀ</i>	41
I. Những yêu cầu tâm lý phù hợp nghề	41
II. Phương pháp trắc đặc phù hợp nghề.....	43
III. Hướng dẫn phương pháp tiến hành tự trắc nghiệm, cách tính điểm và phân loại.....	46
<i>Tài liệu tham khảo</i>	47

BỘ GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2005 - 2006
KHỐI TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIÁO DỤC

- | | |
|---|---------|
| 1. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ | - 4 TẬP |
| 2. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG MẦM NON | - 4 TẬP |
| 3. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TIỂU HỌC | - 6 TẬP |
| 4. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 1 | - 4 TẬP |
| - LÝ LUẬN DẠY HỌC | |
| - TÂM LÝ HỌC | |
| - TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ | |
| - LÝ LUẬN GIÁO DỤC | |
| 5. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 2 | - 6 TẬP |
| - CHUYÊN ĐỀ TÂM LÝ HỌC NGHỀ NGHIỆP | |
| - CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NGHỀ NGHIỆP | |
| - PHƯƠNG PHÁP BỘ MÔN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | |
| - LÔGÍC HỌC HÌNH THỨC | |
| 6. BỒI DƯỠNG VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC | |
| 7. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THƯ VIỆN TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG | |
| 8. BỒI DƯỠNG NHÂN VIÊN THIẾT BỊ TRƯỜNG THCS | |



Giá: 6.500đ